TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THAN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 20/9/2024
Về việc: *"Tranh chấp đất đai về việc đổi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Như – Bà Nguyễn Thị Việt Hà

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lã Thu Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên toà: Ông La Văn Xôm - Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân, huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST-DS ngày 08/01/2024 về: *"Tranh chấp đất đai về việc đổi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn K, sinh năm 1970 và bà Trần Thị M, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Vũ Thị H, sinh năm: 1960; địa chỉ: C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Anh Đỗ Tiến T, sinh năm 1981 và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1985; Cùng địa chỉ: C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Anh T1 có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1950 và ông Đỗ Văn T2, sinh năm: 1944; địa chỉ: C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1960; Ông Lê Văn S, sinh năm: 1957; Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1979; Cùng địa chỉ: C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (Ông S có mặt tại phiên tòa; Ông Q vắng mặt tại phiên tòa có lý do);

Người làm chứng: bà Tô Thị S1 sinh năm 1936, địa chỉ bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; (vắng mặt tại phiên tòa)

Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1972, địa chỉ bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. (vắng mặt tại phiên tòa)

Anh Lê Văn H1, sinh năm: 1987, địa chỉ: bản N, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Vũ Thị H trình bày:

Thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai Châu có nguồn gốc là do gia đình bà khai hoang, canh tác sử dụng ổn định từ năm 1979 cho đến nay, xung quanh thửa đất này là toàn bộ đất của gia đình nhà bà cho ông Đỗ Văn T2 và bà Nguyễn Thị D ở (nhưng bà không có giấy tờ gì để chứng minh gia đình bà cho đất ông T2 và bà D). Đến năm 2005 thì cấp có thẩm quyền đo đạc diện tích trên nhưng do thời điểm đó diện tích đất này là đất ruộng, Gia đình bà cấy lúa và đến năm 2008 thì đào ao thả cá sau đó do có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất ruộng sang đất vườn nên đến năm 2013 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thửa đất trên được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn K và bà Trần Thị Mai S2 gia đình bà vẫn sử dụng thửa đất này, không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2021, anh Đỗ Tiến T con trai bà Nguyễn Thị D cùng bà và anh Lê Văn H1 thỏa thuận bằng miệng đổi đất để thuận lợi trong việc sử dụng đất cho nhau cụ thể: Gia đình nhà bà đổi mảnh đất số 214 tờ bản đồ 32 có diện tích 402m^2 cho nhà anh T còn nhà anh T cũng trả đất cho nhà bà theo phương thức mét đổi mét. Hai bên nhất trí, anh T và anh H1 nhờ cán bộ địa chính đo đạc lấy diện tích 325m^2 từ mảnh đất thửa số 209 tờ bản đồ 32 mang tên anh Đỗ Tiến T và chị Nguyễn Thị T1 và 77m^2 tại thửa đất số 213 mang tên anh Đỗ Tiến T và chị Nguyễn Thị . Thống nhất xong hai bên gia đình bà D đi cắm cọc chăng dây nhưng các nội dung trên không làm giấy tờ. Đến ngày 12/3/2021, anh T nhờ người đổ đất vào thửa đất 214 tờ bản đồ 32 có diện tích 402m^2 mà hiện trạng khi đó là chiếc ao gia đình bà đang thả cá. Khoảng 2 tuần sau, gia đình bà đổ gạch và cát để xây tường bao giữa các mảnh đất đã thống nhất đổi cho nhau. Khi đó, gia đình nhà bà D không cho gia đình bà xây tường bao như đã thỏa thuận, việc đổi đất không thực hiện được và đã xảy ra tranh chấp, hai bên nhiều lần thương lượng, hòa giải nhưng không được. Thực hiện việc ủy quyền của ông K và bà M, yêu cầu gia đình anh T và chị T trả nguyên hiện trạng thửa đất 214 tờ bản đồ 32 có diện tích 402m^2 và bồi thường thiệt hại 20 triệu đồng do không sử dụng được từ năm 2021 đến nay.

Bị đơn ông Đỗ Tiến T và bà Nguyễn Thị T1 có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn T2 trình bày:

Gia đình bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn T2 được UBND huyện T, Lào Cai (nay là Lai C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02521 QSDĐ(104/2000 QĐUBCH) ngày 16/10/2000 tại tờ bản đồ số 35 gồm các thửa 127 có diện tích là 185m$^{2;}$ thửa 346 có diện tích 175m^2 và thửa 347 có diện tích 150m^2 ba thửa đất này liền kề nhau có diện tích 510 m^2, tuy nhiên hai thửa 127 và 346 có diện tích là 360m^2 bà H và ông S sử dụng là do gia đình ông bà và gia đình bà Vũ Thị H và ông Lê Văn S thỏa thuận đổi đất, khi gia đình ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Mặc dù, được cấp vào sổ của gia đình ông, bà nhưng bà H và ông S vẫn sử dụng, gia đình ông bà cũng không có ý kiến gì. Gia đình bà H đào đất để làm gạch thành hùm nên mới có hiện trạng như bây giờ bởi trước kia thửa đất này là đất ruộng. Đến năm 2010, khi gia đình ông, bà được cấp các thửa liền kề thì thửa 127 có diện tích là 185m$^{2;}$ thửa 346 có diện tích 175m^2 bà H, ông S vẫn sử dụng, còn lại thửa 347 có diện tích 150m^2 sau đó được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà ông, bà vào các thửa liền kề nhưng diện tích cụ thể bao nhiêu ông bà không rõ.

Ngày 10/3/2021, con ông bà là Đỗ Tiến T và anh Lê Văn H1 con trai bà H bàn bạc đổi mảnh đất của nhà bà H *(mà hiện nay là thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai C);* hai bên bàn bạc đổi đất cho nhau và cắm mốc từ hộp sắt giăng B40 của nhà bà H theo bờ ruộng thửa đất số 209 tờ bản đồ 32 có diện tích là 565.0m^2 giáp mảnh đất số 148 có diện tích là 4083.1m^2 của nhà bà H và ông S để tiện sử dụng, việc đổi đất chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không lập thành văn bản. Sau đó, gia đình ông bà chặt 02 cây sung liền kề giữa mảnh đất trên và tiến hành đổ đất. Tuy nhiên, bà H lại thay đổi ý kiến đòi thêm 100m^2 nên việc đổi đất không được thực hiện tiếp. Bà H chưa bàn giao mảnh đất trên cho ông, bà sử dụng. Vì vậy, việc nguyên đơn và bà H, đại diện theo ủy quyền đề nghị bị đơn trả nguyên hiện trạng mảnh đất trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 20 triệu đồng. Bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không nhất trí với yêu cầu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn S thống nhất với trình bày của bà Vũ Thị H.

Ông Lê Văn Q trình bày: ông Lê Văn S và bà Vũ Thị H là bố mẹ ông, có một mảnh đất khai hoang và canh tác từ lâu. Quá trình canh tác bố mẹ ông sử dụng để cấy lúa và trồng ngô không có tranh chấp với ai. Năm 2013, được cấp tại thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai Châu, ông K là em trai bố mẹ ông nhưng bố mẹ ông vẫn sử dụng. Khoảng năm 2021, ông có nghe nói gia đình ông và gia đình bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn T2 (là bố mẹ đẻ của chị T và anh T) đổi đất theo hướng mét đổi mét giữa hai gia đình bằng miệng, sau đó, đo phần diện tích thửa đất nhà ông T2 và bà D nhỏ hơn nhưng vẫn thống nhất là đổi. Nhà ông T2 và bà D đã tiến hành đổ đất vào thửa số 214 tờ bản đồ số 32 còn nhà bố mẹ ông

chở gạch và cát để xây tường bao nhưng bà D và ông T2 lại không nhất trí đổi nên xảy ra tranh chấp giữa hai gia đình nữa. Đối với mảnh đất nêu trên bố mẹ ông vẫn đang canh tác và sử dụng, trên sơ đồ địa chính mang tên ông là do khi đo đạc bố mẹ ông để tên ông còn chưa làm thủ tục tặng cho, thừa kế chuyển nhượng hay bất kỳ giao dịch nào khác thể hiện thuộc quyền sử dụng của ông. Do công việc của ông là giáo viên nên ông không thể tham gia tố tụng được, ông không có ý kiến gì, bố mẹ ông quyết định hoàn toàn mọi vấn đề trong vụ việc này.

Người làm chứng bà Tô Thị S1 sinh năm 1936, địa chỉ bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu khai: Bà cùng gia đình bố mẹ bà từ P, Hà Nội lên sinh sống tại đây từ những năm 1966; bản thân bà không có mối quan hệ gì đối với bà Nguyễn Thị D, bà Vũ Thị H. Bà được Tòa án triệu tập là người làm chứng do phần mộ con trai bà nằm gần khu đất đang tranh chấp giữa bà D và bà H. Năm 1979, con trai bà chết, khi đó, gia đình bà chôn cất con trai bà trên gò hoang do ông Lê Văn S và bà Vũ Thị H khai phá trồng đỗ. Ngôi mộ chôn cất con trai bà hiện nay vẫn còn, từ thời kỳ đó thì bà đã thấy ông S và bà H có mảnh ruộng gần mộ con trai bà, ông S bà H trồng cấy trên mảnh đất, bà H thỉnh thoảng phát cỏ, bồi đất cho phần mộ này. Những năm gần đây, bà già yếu nên không qua thăm nom được mộ phần, ngày giỗ chỉ các con cháu bà mới ra nơi đó. Ngoài ra bà không còn ý kiến gì thêm.

Người làm chứng bà Phạm Thị T3, sinh năm 1972, địa chỉ bản C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu khai: Gia đình nhà bà sinh sống tại bản C (C 4 cũ), xã M, T từ những năm 1992. Khi gia đình bà sinh sống ở đây thì đã thấy gia đình nhà bà Vũ thị H và ông Lê Văn S canh tác, sử dụng thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2, bản thân bà còn được cấy thuê cho bà H vì khi đó thửa đất này là đất ruộng. Sau đó, gia đình bà H lấy đất làm gạch nên có hiện trạng như ao, thửa đất đó có khuôn hình kéo dài không có sự thay đổi nhưng bà không rõ diện tích bao nhiêu. Gia đình bà cũng mượn bà H để thả cá nhưng sau đó bà không thả nữa vì không có năng suất. Đến năm 2021 bà nghe nói hai gia đình bà H và bà D đổi đất và xảy ra tranh chấp, ngoài ra bà không biết gì thêm.

Anh Lê Văn H1 trình bày: Tôi là con trai của ông Lê Văn S và bà Vũ Thị H, bản thân tôi cũng thừa nhận có việc cùng anh Đỗ Tiến T thỏa thuận đổi đất song thửa đất trên là của bố mẹ tôi nên bố mẹ tôi là người quyết định.

Căn cứ vào các tài liệu do các đương sự cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã tiến hành thẩm định xem xét tại chỗ đối với thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai Châu. Hiện trạng trên thửa đất đã bị lấp một phần; đo đạc cắm các mốc giới thửa đất 214 theo GPRS có tứ cận cụ thể như sau: Phía Nam giáp đất hộ ông Đỗ Văn T2 và giáp đất ông Đỗ Tiến T lần lượt có chiều dài là 21,38m và 28,30m; Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T4 có chiều dài 1,65m; Phía Bắc giáp hộ ông Đỗ Tiến T có chiều dài 49,40m; phía Tây giáp đất ông Đỗ Tiến T có chiều dài 3,26m; trên đất không có tài sản hay cây trồng có giá trị.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhiều lần nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được cách thức giải quyết vụ án nên được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn có người đại diện ủy quyền bà Vũ Thị H trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

Bị đơn anh Đỗ Tiến T trình bày: Anh nhất trí những nội dung bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn T2 trình bày bởi lẽ đất đai có nguồn gốc là của bố mẹ anh. Việc thỏa thuận đổi đất giữa hai gia đình là có thật. Anh Đỗ Tiến T có mặt tại phiên tòa thừa nhận có việc đổ đất vào thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 trên cơ sở sự thỏa thuận giữa hai gia đình. Do vậy, anh nhất trí khôi phục hiện trạng thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 cho nguyên đơn. Nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền nhất trí.

Đối với các yêu cầu khác bị đơn không nhất trí và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 584 - Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn K và bà Trần Thị M về việc: *"Tranh chấp đất đai về việc đổi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"*

Anh Đỗ Tiến T và chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm di chuyển toàn bộ số đất đã đổ để trả lại hiện trạng đất ban đầu của thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai Châu.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Đỗ Tiến T và Nguyễn Thị T1 phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 20.000.000 đồng.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu khôi phục hiện trạng thửa đất và bồi thường thiệt hại tài sản (do không sử dụng được thửa đất theo lời khai thì thửa đất trước khi xảy ra tranh chấp là cái ao) với số tiền 20.000.000 đồng nhưng bị đơn không đồng ý vì cho rằng không được sử dụng thửa đất cũng như không gây thiệt hại cho nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Xét đây là quan hệ pháp luật dân sự cụ thể là *"Tranh chấp đất đai về việc đổi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"* và các yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu theo quy định các khoản 6,9 Điều 26, các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn nhận thấy các vấn đề sau:

[1.2] Về nguồn gốc thửa đất: thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai C có tứ cận: Phía Nam giáp đất hộ ông Đỗ Văn T2 và giáp đất ông Đỗ Tiến T lần lượt có chiều dài là 21,38m và 28,30m; Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T4 có chiều dài 1,65m; Phía Bắc giáp hộ ông Đỗ Tiến T có chiều dài 49,40m; phía Tây giáp đất ông Đỗ Tiến T có chiều dài 3,26m, thửa đất có địa chỉ C, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu. Nguồn gốc là của bà Vũ Thị H và ông Lê Văn S khai hoang từ những năm 1979; quá trình sử dụng đất ông bà trồng cấy bởi thửa đất này trước đây là đất ruộng. Đến năm 2005, 2008 bà H có đi kê khai và đo đạc, vào sổ mục kê năm 2008 đứng tên ông Lê Văn Q (là con trai bà H, ông S) có diện tích 402m^2. Gia đình bà tiếp tục sử dụng sau đó lấy đất sản xuất gạch làm cho thửa đất trũng xuống thành hùm (mà theo bà khai là ao) để thả cá. Năm 2013, cấp có thẩm quyền cấp cho ông Lê Văn K và bà Trần Thị M nhưng ông S, bà H vẫn sử dụng và canh tác ổn định không có tranh chấp.

Bị đơn Đỗ Tiến T và Nguyễn Thị T1 có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị D và ông Đỗ Văn T2 thì cho rằng gia đình bà được UBND huyện T, Lào Cai (nay là Lai C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02521 QSDĐ(104/2000 QĐUBCH) ngày 16/10/2000 tại tờ bản đồ số 35 gồm các thửa 127 có diện tích là 185m^2 , thửa 346 có diện tích 175m^2 và thửa 347 có diện tích 150m^2 , 03 thửa đất này liền kề nhau có tổng diện tích 510 m^2, trong đó 02 thửa 127 và 346 có diện tích là 360m^2 là của bà H và ông S do cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình nhà bà, ông bà biết nhưng vẫn để ông S, bà H canh tác; khi cấp đổi thì thửa số 347 có diện tích 150m^2 được cấp đổi và được cấp vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa liền kề do xung quanh các thửa đất đó là đất của gia đình nhà bà khai hoang từ lâu nhưng việc cấp đổi thửa 347 vào các thửa khác liền kề thửa đất đó, diện tích cụ thể bao nhiêu bà không rõ. Ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đưa ra tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện nội dung nêu trên của mình là có căn cứ.

Hơn nữa, những người làm chứng có lời khai tại Tòa án đều thể hiện thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 là do ông Lê Văn S và bà Vũ Thị H khai hoang, canh tác, xét thấy những người làm chứng không có mối quan hệ gì, cũng không có mâu thuẫn gì với các bên đương sự nên việc lấy lời khai là hoàn toàn khách quan và đảm bảo quy định của pháp luật.

[2.2] Về quá trình sử dụng thửa đất: bà Vũ Thị H, ông Lê Văn S trình bày khai hoang từ những năm 1979, canh tác sử dụng đất để trồng lúa, sau đó lấy đất làm gạch, thành hùm (ao), không trồng cấy được nữa thì gia đình ông bà có thả cá để tăng gia. Ngoài lời trình bày của bà H, ông S thì bà Tô Thị S1, sinh năm 1936 địa chỉ C, xã M; bà Phạm Thị T3, sinh năm 1971 là những người không có mối quan hệ hay mâu thuẫn gì với các bên đương sự cũng đã có lời khai thể hiện nguồn gốc thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 và quá trình sử dụng như lời trình bày của ông S và bà H là đúng thực tế. Hơn nữa, thửa đất này nằm bao quanh giữa các thửa đất khác của gia đình nhà anh T1, chị T1, bà D và ông T2, quá trình sử dụng trồng cấy trước thời điểm thỏa thuận đổi đất thì các bên không xảy ra tranh chấp gì.

Sau đó, hai gia đình bàn nhau đổi đất, thỏa thuận xong thì anh Đỗ Tiến T tiến hành đổ đất vào thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 , gia đình bà H, ông S chở vật liệu gạch, cát để xây tường bao, anh T đổ đất vào thửa đất nêu trên nhưng sau đó hai bên không thực hiện được việc đổi đất như đã thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Tiến T thừa nhận việc đổ đất nhưng trên cơ sở được sự nhất trí của gia đình bà H nên anh mới thuê người đổ đất. Vì vậy, anh nhất trí di chuyển toàn bộ số đất đã đổ và khôi phục hiện trạng thửa đất 214, tờ bản đồ số 32 như ban đầu, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng các đương sự đều thừa nhận có việc đổ đất vào thửa đất nêu trên, đại diện ủy quyền của nguyên đơn nhất trí nên Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[3] Về tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền yêu cầu buộc bị đơn bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 20.000.000 đồng với các lý do: thời điểm bị đơn đổ đất vào thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 thì thửa đất lúc này là ao đang được thả cá, sự việc tranh chấp xảy ra từ năm 2021 đến nay đã cản trở việc canh tác, sử dụng thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý bồi thường do không gây thiệt hại cho nguyên đơn. Xét thấy, tại các biên bản giải quyết tại cơ sở khi xảy ra tranh chấp cũng không thể hiện thiệt hại bao nhiêu khi ông Đỗ Tiến T đổ đất vào thửa đất, việc đổ đất hoàn toàn có sự đồng thuận giữa hai bên. Hơn nữa, căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật D1 sựvề trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, khi có đầy đủ các yếu tố sau đây: Phải có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của người

khác; b/ Phải có thiệt hại xảy ra về vật chất, thiệt hại về tinh thần; c/ Phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi xâm phạm. Thiệt hại xảy ra phải là kết quả tất yếu của hành vi xâm phạm và ngược lại hành vi xâm phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại.

Từ thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã nhận văn bản đề nghị cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng nguyên đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình để có căn cứ phát sinh trách nhiệm của bị đơn vì theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như sau: *" Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra chứng cứ đủ chứng minh thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc "*. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường thiệt hại tài sản là chưa đủ cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại tài sản là chưa đủ cơ sở chấp nhận.

4. Các vấn đề khác của vụ án:

Bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m2 cấp cho ông Lê Văn K và bà Trần Thị M là không đúng diện tích, không đúng đối tượng được cấp đất; gia đình nhà bà chưa được ký giáp ranh; ông K đã nhận được sự ủy quyền của anh Q chưa? Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02521 QSDĐ(104/2000 QĐUBCH) ngày 16/10/2000 tại tờ bản đồ số 35 gồm các thửa 127 có diện tích là 185m^2 , thửa 346 có diện tích 175m^2 và thửa 347 có diện tích 150m^2 , 03 thửa đất này liền kề nhau có tổng diện tích 510 m^2, trong đó 02 thửa 127 và 346 có diện tích là 360m^2 là của bà H và ông S và cho rằng có việc cấp chồng lấn sang đất của gia đình bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã giải thích, hướng dẫn để bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết các nội dung nêu trên, song bị đơn cũng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn không thực hiện.

Do vậy, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thấy rằng: bị đơn, đại diện theo ủy quyền trình bày các nội dung nêu trên không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, trong trường hợp có yêu cầu thì bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các chi phí tố tụng khác như chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự yêu cầu và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 269; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 584- Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013

- Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn K và bà Trần Thị M về việc: *"Tranh chấp đất đai về việc đổi quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về tài sản"*

Anh Đỗ Tiến T và chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm di chuyển toàn bộ số đất đã đổ để trả lại hiện trạng đất ban đầu của thửa đất số 214 tờ bản đồ số 32 có diện tích 402m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 697338 cấp ngày 25/11/2013 do UBND huyện T cấp cho ông Lê Văn K và bà Trần Thị M, địa chỉ bản C, M, T, Lai Châu.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Đỗ Tiến T và Nguyễn Thị T1 phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 20.000.000 đồng.

2. Án phí

Bị đơn Đỗ Tiến T và Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, anh T1 và chị T1 chưa nộp.

Ông Lê Văn K và bà Trần Thị M không phải chịu án phí đối với yêu cầu đổi quyền sử dụng đất.

Ông Lê Văn K và bà Trần Thị M phải chịu 1.000.000 đồng đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Xác nhận Ông Lê Văn K và bà Trần Thị M có đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000777 ngày 08/01/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Than Uyên số tiền 800.000 đồng nay chuyển thành án phí. Ông Lê Văn K và bà Trần Thị M còn phải nộp thêm 200.000 đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo quy định của pháp luật lên Tòa án cấp trên để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như	**Nguyễn Thị Việt Hà**	**Lương Thị Mỹ Hằng**